**TUẦN 34:** **CHỦ ĐỀ 13: ÔN TẬP CUỐI NĂM**

Bài 69: ÔN TẬP PHÂN SỐ (2 TIẾT)

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.**

***1. Kiến thức, kĩ năng:***

- Nhận biết được phân số qua hình ảnh trực quan.

- Vận dụng được các tình chất cơ bản của phân số để tìm phân số bằng phân số đã cho.

- Thực hiện được việc quy đồng mẫu số các phân số (có một mẫu số chia hết cho các mẫu số còn lại).

- So sánh được các phân số (cùng mẫu số hoặc có một mẫu số chia hết cho các mẫu số còn lại).

- Rút gọn được phân số.

- So sánh được các phân số.

- Xác định được phân số bé nhất, phân số lớn nhất (trong nhóm có bốn phân số).

- Sắp xếp được các phân số thứ tự từ bé đến lớn (trong nhóm có bốn phân số).

- Giải được bài toán thực tế liên quan đến tìm phân số lớn nhất, phân số bé nhất trong nhóm có ba phân số.

- Phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học.

- Vận dụng bài học vào thực tiễn.

***2. Năng lực:***

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết tự giác học tập, làm bài tập và các nhiệm vụ được giao.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia tốt trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong hoạt động nhóm.

***3. Phẩm chất.***

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác học tập, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.**

**TIẾT 1. LUYỆN TẬP**

**Ngày dạy: 06/5/2024**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:**- Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khấn khởi trước giờ học.+ Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.- Cách tiến hành: |
| - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.+ Câu 1: Tính bằng cách thuận tiện nhất: 34 x 121 + 66 x 121+ Câu 2: Không thực hiện phép tính, hãy tìm số thích hợp với dấu “?”54 x 23 = 23 x ?- GV Nhận xét, tuyên dương.- GV dẫn dắt vào bài mới | - HS tham gia trò chơi+ Trả lời:34 x 121 + 66 x 121 = 121 x (34 + 66) = 121 x 100 = 12100+ 54 x 23 = 23 x 54- HS lắng nghe. |
| **2. Luyện tập:**- Mục tiêu: - Nhận biết được phân số qua hình ảnh trực quan.- Vận dụng được các tình chất cơ bản của phân số.- Thực hiện được việc quy đồng mẫu số các phân số (có một mẫu số chia hết cho các mẫu số còn lại).- So sánh hai phân số, so sánh phân số với số tự nhiên.- Vận dụng so sánh phân số vào giải quyết bài toán thực tế.- Cách tiến hành: |
| Bài 1. Chọn câu trả lời đúng.- GV hướng dẫn học sinh chọn đáp án đúng ghi vào bảng con.a) Phân số chỉ phần đã tô màu ở hình bên là: A. $\frac{5}{14}$ B. $\frac{5}{9}$ C. $\frac{9}{14}$ D. $\frac{14}{9}$b) Đã tô màu $\frac{3}{5}$ số con ếch của hình nào dưới đây :- GV nhận xét, tuyên dương.Bài 2: Số? (Làm việc nhóm 2) - GV cho HS nêu yêu cầu bài tập- GV chia nhóm 2, cho HS làm vào vở. a) $\frac{36}{42}$ = $\frac{18}{?}$ = $\frac{?}{7}$ = $\frac{30}{?}$ b) $\frac{80}{100}$ = $\frac{?}{20}$ = $\frac{4}{?}$ = $\frac{?}{50}$ - Đổi vở soát theo nhóm bàn trình bày kết quả, nhận xét lẫn nhau.- GV Nhận xét, tuyên dương.Bài 3: Quy đồng mẫu số các phân số (Làm việc cá nhân) - GV mời 1 HS nêu cách làm.- Lớp làm bài vào vở, 3 HS làm vào bảng phụ. a) $\frac{4}{7}$ và $\frac{28}{35}$ b) $\frac{13}{20}$ và $\frac{53}{100}$ c) $\frac{5}{6}$ ; $\frac{9}{8}$ và $\frac{11}{24}$- HS trình bày kết quả, HS nhận xét.- GV nhận xét tuyên dương.Bài 4: >; <; =? (Làm việc theo nhóm 4,5 HS)- GV cho HS làm theo nhóm.a) $\frac{5}{8}$ kg $\frac{6}{8}$ kg $\frac{13}{12}$ kg 1 kg ???b) $\frac{11}{12}$ l $\frac{11}{14}$ l $\frac{5}{3}$ l $\frac{15}{9}$ l?c) $\frac{5}{6}$ m $\frac{17}{18}$ m $\frac{16}{7}$ m 2 m??- GV mời các nhóm trình bày.- Mời các nhóm khác nhận xét- GV nhận xét chung, tuyên dương.Bài 5. Có ba vòi nước cùng chảy vào một bể. Trong 1 giờ, vòi số 1 chảy được $\frac{1}{4}$ bể nước, vòi số 2 chảy được $\frac{2}{5}$ bể nước, vòi số 3 chảy được $\frac{7}{20}$ bể nước. Hỏi trong một giờ vòi nào chảy được nhiều nước nhất, vòi nào chảy được ít nước nhất? (Làm việc nhóm hoặc thi ai nhanh ai đúng.)- GV cho HS tìm hiểu đề.- GV cho HS nêu cách làm.- GV chia nhóm hoặc thi để hoàn thành bài tập.- Các nhóm trình bày kết quả, nhận xét. GV nhận xét tuyên dương. | - HS lần lượt làm bảng con và giơ lên theo hiệu lệnh của GV.a) Chọn đáp án C. $\frac{9}{14}$b) Chọn đáp án B. - HS lắng nghe rút kinh nghiệm.- 1 HS nêu yêu cầu bài tập.- HS làm việc nhóm 2 vào vở a) $\frac{36}{42}$ = $\frac{18}{21}$ = $\frac{6}{7}$ = $\frac{30}{35}$ b) $\frac{80}{100}$ = $\frac{16}{20}$ = $\frac{4}{5}$ = $\frac{40}{50}$ - HS đổi vở soát nhận xét.- HS lắng nghe rút kinh nghiệm.- 1 HS trình bày cách làm: Quy đồng mẫu số các phân số (có một mẫu số chia hết cho các mẫu số còn lại).- HS làm vào vở, 3 HS làm vào bảng phụ.a) $\frac{4}{7}$ = $\frac{4 x 5 }{7 x 5}$ = $\frac{20}{35}$b) $\frac{13}{20}$ = $\frac{13 x 5}{20 x 5}$ =$\frac{65}{100}$c) $\frac{5}{6}$ = $\frac{5 x 4}{6 x 4}$ = $\frac{20}{24}$; $\frac{9}{8}$ = $\frac{9 x 3}{8 x 3}$ = $\frac{27}{24}$- HS nhận xét.- Lắng nghe, rút kinh nghiệm.- Các nhóm làm việc theo phân công.a) $\frac{5}{8}$ kg $\frac{6}{8}$ kg $\frac{13}{12}$ kg 1 kg ><>b) $\frac{11}{12}$ l $\frac{11}{14}$ l $\frac{5}{3}$ l $\frac{15}{9}$ l=c) $\frac{5}{6}$ m $\frac{17}{18}$ m $\frac{16}{7}$ m 2 m><- Các nhóm trình bày.- Các nhóm khác nhận xét.- Lắng nghe, rút kinh nghiệm.- Bài toán cho biết: Có ba vòi nước.+ Vòi số 1 chảy được $\frac{1}{4}$ bể nước.+ Vòi số 2 chảy được $\frac{2}{5}$ bể nước.+ Vòi số 3 chảy được $\frac{7}{20}$ bể nước- Bài toán hỏi: Trong một giờ vòi nào chảy được nhiều nước nhất, vòi nào chảy được ít nước nhất?- HS nêu cách làm: Ta cần tìm phân số bé nhất, phân số lớn nhất chỉ lượng nước chảy được của mỗi vòi trong 1 giờ.- Ta có: $\frac{1}{4}$ =$ \frac{1 x 5}{4 x 5}$= $\frac{5}{20}$; $\frac{2}{5}$ = $\frac{2 x 4}{5 x 4}$= $\frac{8}{20}$; $\frac{7}{20}$.Vậy trong 1 giờ vòi số 2 chảy được nhiều nước nhất, vòi số 1 chảy được ít nước nhất.- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm. |
| **3. Vận dụng trải nghiệm.**- Mục tiêu:+ Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.- Cách tiến hành: |
| - GV tổ chức vận dụng bằng các hình thức như trò chơi, hái hoa,...sau bài học để học sinh nhận biết được phân số qua hình ảnh trực quan.- Ví dụ: GV viết 4 phân số bất kì như:$ \frac{1}{4}$ ; $\frac{2}{7}$; $\frac{5}{6}$; $1$ vào 4 phiếu. Mời 4 học sinh tham gia trải nghiệm: Phát 4 phiếu ngẫu nhiên cho 4 em, sau đó mời 4 em gắn phân số vào đúng hình thể hiện phân số đó trên bảng. Ai đúng sẽ được tuyên dương.- Nhận xét, tuyên dương. | - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.- 4 HS xung phong tham gia chơi. - HS lắng nghe để vận dụng vào thực tiễn. |

------------------------------------------------

**TIẾT 2. LUYỆN TẬP**

**Ngày dạy: 07/5/2024**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:**- Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khấn khởi trước giờ học.+ Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.- Cách tiến hành: |
| - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.Điền dấu >;<;= thích hợp vào ?+ Câu 1: $\frac{7}{8}$ kg $\frac{9}{8}$ kg $\frac{15}{13}$ kg 1 kg ??+ Câu 2: $\frac{14}{13}$ l $\frac{14}{11}$ l $\frac{7}{3}$ l $\frac{17}{9}$ l??- GV Nhận xét, tuyên dương.- GV dẫn dắt vào bài mới. | - HS tham gia trò chơi+ Trả lời:Câu 1: $\frac{7}{8}$ kg $\frac{9}{8}$ kg $\frac{15}{13}$ kg 1 kg ><+ Câu 2: $\frac{14}{13}$ l $\frac{14}{11}$ l $\frac{6}{3}$ l $\frac{18}{9}$ l=<- HS lắng nghe. |
| **2. Luyện tập:**- Mục tiêu: - Rút gọn được phân số.- So sánh được các phân số.- Xác định được phân số bé nhất, phân số lớn nhất (trong nhóm có bốn phân số).- Sắp xếp được các phân số thứ tự từ bé đến lớn (trong nhóm có bốn phân số).- Giải được bài toán thực tế liên quan đến tìm phân số lớn nhất, phân số bé nhất trong nhóm có bốn phân số.- Cách tiến hành: |
| Bài 1. Chọn câu trả lời đúng.- GV hướng dẫn học sinh chọn đáp án đúng ghi vào bảng con.a) Phân số nào dưới đây bé hơn 1? A. $\frac{14}{11}$ B. $\frac{22}{33}$ C. $\frac{41}{39}$ D. $\frac{52}{17}$b) Phân số nào dưới đây bằng phân số $\frac{5}{7}$? A. $\frac{10}{12}$ B. $\frac{12}{14}$ C. $\frac{15}{21}$ D. $\frac{25}{28}$c) Phân số nào dưới đây lớn hơn phân số $\frac{3}{5}$? A. $\frac{5}{7}$ B. $\frac{15}{25}$ C. $\frac{2}{5}$ D. $\frac{12}{15}$- GV cho HS chia sẻ cách làm.- GV nhận xét, tuyên dương.Bài 2: Viết tên các con vật dưới đây theo thứ tự có cân nặng từ bé đến lớn. (Nhóm 4)- GV chia nhóm và cho HS thi đua theo nhóm viết tên các con vật dưới đây theo thứ tự có cân nặng từ bé đến lớn vào bảng nhóm.- GV mời các nhóm trình bày.- Mời các nhóm khác nhận xét- GV nhận xét chung, tuyên dương.Bài 3: Các bạn Mai, Nam, Việt và Rô-bốt chạy thi theo chiều dài sân trường. Mai chạy hết $\frac{5}{6}$ phút, Nam chạy hết $\frac{2}{3}$ phút, Việt chạy hết $\frac{7}{12}$ phút, Rô- bốt chạy hết $\frac{11}{12}$ phút. Hỏi ai về đích đầu tiên, ai về đích cuối cùng? (Cá nhân) - GV cho HS tìm hiểu đề.- GV mời 1 HS nêu cách làm.- GV cho HS cả lớp làm bài vào vở.- Đổi vở soát theo nhóm bàn trình bày kết quả, nhận xét lẫn nhau.- GV Nhận xét, tuyên dương.Bài 4. Tính. $\frac{7 x 9 x 13}{13 x 7 x 21}$- GV cho HS nêu yêu cầu của bài.- GV chia nhóm 2 cho HS làm bài theo nhóm vào vở.- Đổi vở soát theo nhóm bàn trình bày kết quả, nhận xét lẫn nhau.- GV Nhận xét, tuyên dương. | - HS lần lượt làm bảng con và giơ lên theo hiệu lệnh của GV.a) Chọn đáp án B. $\frac{22}{33}$b) Chọn đáp án C. $\frac{15}{21}$c) Chọn đáp án D. $\frac{12}{15}$- HS chia sẻ cách làm:Câu a) So sánh tử số và mẫu số của từng phân số rồi chọn đáp án.Câu b,c) Rút gọn phân và so sánh các phân số với phân số đã cho rồi chọn đáp án đúng. - HS lắng nghe rút kinh nghiệm.- HS làm việc nhóm viết đáp án vào bảng nhóm.Kết quả: Vịt, gà, mèo, thỏ. - Các nhóm trình bày.- Các nhóm khác nhận xét.- Lắng nghe, rút kinh nghiệm.- Bài toán cho biết: Bạn Mai, Nam, Việt và Rô-bốt chạy thi theo chiều dài sân trường.+ Mai chạy hết $\frac{5}{6}$ phút+ Nam chạy hết $\frac{2}{3}$ phút+ Việt chạy hết $\frac{7}{12}$ phút+ Rô- bốt chạy hết $\frac{11}{12}$ phút - Bài toán hỏi: Ai về đích đầu tiên, ai về đích cuối cùng?- HS nêu cách làm: Bạn về đích đầu tiên là bạn có thời gian chạy ít nhất so với thời gian chạy của những người còn lại. Như vậy ta cần sắp xếp thời gian chạy của các bạn theo thứ tự từ bé đến lớn hoặc từ lớn đến bé.- HS làm bài vào vở.Kết quả: Việt về đích đầu tiên, Rô-bốt về đích cuối cùng.- HS đổi vở soát nhận xét.- HS lắng nghe rút kinh nghiệm.- 1 HS nêu yêu cầu của bài.- HS làm bài vào vở.Đáp án:$ \frac{7 x 9 x 13}{13 x 7 x 21}$ = $\frac{9}{21}$ = $\frac{3}{7}$- HS đổi vở soát nhận xét.- HS lắng nghe rút kinh nghiệm. |
| **3. Vận dụng trải nghiệm.**- Mục tiêu: + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.- Cách tiến hành: |
| - GV tổ chức vận dụng bằng các hình thức như trò chơi, hái hoa,...sau bài học để học sinh nhận biết được phân số qua hình ảnh trực quan.- Ví dụ: GV viết 4 phân số bất kì như:$ \frac{7}{9}$ ; $\frac{8}{9}$; $\frac{8}{7}$; $\frac{7}{10}$ vào 4 phiếu. Mời 4 học sinh tham gia trải nghiệm: Phát 4 phiếu ngẫu nhiên cho 4 em, sau đó mời 4 em đứng theo thứ tự từ bé đến lớn. Ai đúng sẽ được tuyên dương.- Nhận xét, tuyên dương. | - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.- 4 HS xung phong tham gia chơi. - HS lắng nghe để vận dụng vào thực tiễn. |
| IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:..................................................................................................................................................................................................................................................................................................... |

------------------------------------------------

**CHỦ ĐỀ 13: ÔN TẬP CUỐI NĂM**

Bài 70: ÔN TẬP PHÉP TÍNH VỚI PHÂN SỐ (2 TIẾT)

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.**

***1. Kiến thức, kĩ năng:***

- Thực hiện được phép cộng, phép trừ, phép nhân, phép chia phân số.

- Tính được giá trị của biểu thức có và không có dấu ngoặc liên quan đến phép cộng, phép trừ, phép nhân, phép chia phân số.

- Tính được giá trị của biểu thức bằng cách thuận tiện liên quan đến phép cộng, phép nhân phân số.

- Giải được bài toán thực tế liên quan đến phép nhân phân số.

- Phát triển năng lực tính toán, năng lực tư duy và lập luận toán học.

- Vận dụng bài học vào thực tiễn.

***2. Năng lực:***

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết tự giác học tập, làm bài tập và các nhiệm vụ được giao.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia tốt trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong hoạt động nhóm.

***3. Phẩm chất.***

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác học tập, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.**

**TIẾT 1. LUYỆN TẬP**

**Ngày dạy: 08/5/2024**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:**- Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khấn khởi trước giờ học.+ Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.- Cách tiến hành: |
| - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.+ Câu 1: Tính :$ \frac{6 x 5 x 12}{12 x 5 x 3}$ + Câu 2: $\frac{9 x 8 x 15}{12 x 9 x 8}$ - GV Nhận xét, tuyên dương.- GV dẫn dắt vào bài mới | - HS tham gia trò chơi+ Trả lời:$\frac{6 x 5 x 12}{12 x 5 x 3}$ = $\frac{6}{3}$ = 2+ $\frac{9 x 8 x 15}{12 x 9 x 8}$= $\frac{15}{12}$ =$\frac{5}{4}$- HS lắng nghe. |
| **2. Luyện tập:**\* Mục tiêu: - Thực hiện được phép cộng, phép trừ phân số.- Tính được giá trị của biểu thức có và không có dấu ngoặc liên quan đến phép cộng, phép trừ phân số.- Tính được giá trị của biểu thức bằng cách thuận tiện liên quan đến phép cộng, phép trừ phân số.- Giải được bài toán thực tế liên quan đến phép cộng, phép trừ phân số.\* Cách tiến hành: |
| Bài 1. Tính.- GV cho HS nêu cách làm.- GV cho HS làm bài cá nhân vào vở, 4 em làm vào phiếu bài tập.a) $\frac{7}{24}$ + $\frac{11}{6}$ b) 3 + $\frac{5}{8}$c) $\frac{19}{28}$ - $\frac{3}{7}$ d) $\frac{53}{21}$ – 1- GV cho HS nhận xét kết quả.- GV nhận xét, tuyên dương.Bài 2: Tính giá trị của biểu thức. (Làm việc nhóm 2) - GV cho HS nêu yêu cầu bài tập.- GV cho HS nhắc lại thứ tự thực hiện các phép tính trong biểu thức.- GV chia nhóm 2, cho HS làm vào vở. a) $\frac{4}{9}$ + $\frac{2}{9} $- $\frac{5}{18}$ b) 2 - $\frac{3}{5}$ + $\frac{8}{15}$ c) $\frac{9}{8}$ – ( $\frac{11}{8}$ - $\frac{9}{32}$ )  - Đổi vở soát theo nhóm bàn trình bày kết quả, nhận xét lẫn nhau.- GV Nhận xét, tuyên dương.Bài 3: Bác Tư có một khu đất, bác đã sử dụng $\frac{2}{5}$ diện tích để xây nhà và $\frac{3}{10}$ diện tích để trồng cây, diện tích còn lại để làm sân và lối đi. Hỏi bác Tư đã dành bao nhiêu phần diện tích khu đất để làm sân và lối đi?- GV cho HS tìm hiểu đề.- GV gợi ý: Muốn tìm phần diện tích để làm sân và lối đi trước hết ta cần biết gì?- GV chia nhóm hoặc thi để hoàn thành bài tập.- Các nhóm trình bày kết quả, nhận xét. GV nhận xét tuyên dương.Bài 4: Tính bằng cách thuận tiện.(Làm việc theo nhóm 4,5 HS)- GV cho HS làm theo nhóm.$\frac{4}{27}$ + $\frac{5}{9} $+ $\frac{13}{9}$ – 2- GV mời các nhóm trình bày.- Mời các nhóm khác nhận xét- GV nhận xét chung, tuyên dương.Bài 5.- GV yêu cầu HS đọc đề bài.- GV gợi ý: + Dựa vào tranh minh họa: Số miếng bánh (3) chiếm bao nhiêu phần cái bánh? + Chia số miếng bánh cho 2 bạn thì mỗi bạn được bao nhiêu phần cái bánh? - GV cho HS thi đua làm bài tập. Ai làm xong trước và đúng thì được tuyên dương.- GV cho HS nhận xét.- GV Nhận xét, tuyên dương. | - HS nêu cách làm: Quy đồng mẫu số hai phân số rồi tính.- HS làm bài vào vở.a) $\frac{7}{24}$ + $\frac{11}{6}$ = $\frac{7}{24}$ + $\frac{44}{24} $= $\frac{51}{24}$ = $\frac{17}{8}$b) 3 + $\frac{5}{8}$ = $\frac{24}{8}$ + $\frac{5}{8}$ = $\frac{29}{8}$c) $\frac{19}{28}$ - $\frac{3}{7}$ = $\frac{19}{28}$ - $\frac{12}{28}$ = $\frac{7}{28}$ = $\frac{1}{4}$ d) $\frac{53}{21}$ – 1= $\frac{53}{21}$ - $\frac{21}{21}$ = $\frac{32}{21}$- HS nhận xét kết quả.- HS lắng nghe rút kinh nghiệm.- 1 HS nêu yêu cầu bài tập.- HS nhắc lại thứ tự thực hiện các phép tính trong biểu thức: Có phép cộng, trừ, tính từ trái qua phải; có ngoặc thì tính trong ngoặc trước.- HS làm việc nhóm 2 vào vở. a) $\frac{4}{9}$ + $\frac{2}{9} $- $\frac{5}{18}$ = $\frac{6}{9}$ - $\frac{5}{18}$ = $\frac{12}{18} $- $\frac{5}{18}$ = $\frac{7}{18}$b) 2 - $\frac{3}{5}$ + $\frac{8}{15}$ = $\frac{30}{15} $- $\frac{9}{15}$ + $\frac{8}{15}$ = $\frac{29}{15}$ c) $\frac{9}{8}$ – ( $\frac{11}{8}$ - $\frac{9}{32}$ ) =$ \frac{9}{8}$ – ( $\frac{44}{32}$ - $\frac{9}{32}$ )  = $ \frac{9}{8}$ – $\frac{35}{32}$  = $\frac{36}{32}$ – $\frac{35}{32}$ = $\frac{1}{32}$ - HS đổi vở soát nhận xét.- HS lắng nghe rút kinh nghiệm.- Bài toán cho biết: Bác Tư có một khu đất.+ $\frac{2}{5}$ diện tích để xây nhà+ $\frac{3}{10}$ diện tích để trồng cây + Diện tích còn lại để làm sân và lối đi- Bài toán hỏi: bác Tư đã dành bao nhiêu phần diện tích khu đất để làm sân và lối đi? - HS trả lời: Cần biết phần diện tích xây nhà và trồng cây.Bài giảiPhần diện tích bác Tư đã sử dụng để xây nhà và trồng cây là:$\frac{2}{5}$ + $\frac{3}{10}$ = $\frac{7}{10}$ ( khu đất)Phần diện tích bác Tư đã sử dụng để làm sân và lối đi là:1 - $\frac{7}{10}$ = $\frac{3}{10}$ ( khu đất)Đáp số: $\frac{3}{10}$ diện tích khu đất. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.- Các nhóm làm việc theo phân công.$\frac{4}{27}$ + $\frac{5}{9} $+ $\frac{13}{9}$ – 2 = $\frac{4}{27}$ +( $\frac{5}{9} $+ $\frac{13}{9}$ ) – 2 = $\frac{4}{27}$ + $\frac{18}{9}$ – 2 = $\frac{4}{27}$ + (2 – 2) = $\frac{4}{27}$- Các nhóm trình bày.- Các nhóm khác nhận xét.- Lắng nghe, rút kinh nghiệm.- HS đọc yêu cầu bài tập.- HS trả lời.+ Số miếng bánh (3) chiếm $\frac{3}{4}$ phần cái bánh.+ Chia số miếng bánh cho 2 bạn thì mỗi bạn được $\frac{1}{4}$ và $\frac{2}{4} $phần cái bánh.- HS thực hiện theo yêu cầu.Dựa theo đề bài toán ta có thể viết $\frac{3}{4}$ thành tổng của hai phân số $\frac{1}{4}$ và $\frac{2}{4}$Khi đó ta có: $\frac{3}{4}$ = $\frac{1+2}{4}$ = $\frac{1}{4}$ + $\frac{2}{4}$ = $\frac{1}{4}$ + $\frac{1}{2}$Vậy: $\frac{3}{4}$ = $\frac{1}{4}$ + $\frac{1}{2}$- HS nhận xét.- Lắng nghe, rút kinh nghiệm. |
| **3. Vận dụng trải nghiệm.**- Mục tiêu:+ Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.- Cách tiến hành: |
| - GV tổ chức vận dụng bằng các hình thức hái hoa,...sau bài học để học sinh luyện tập thực hiện được phép cộng, phép trừ phân số.- GV viết 4 phép tính bất kì vào 4 phiếu.a) $\frac{4}{30}$ + $\frac{10}{6}$ b) 2 + $\frac{4}{7}$c) $\frac{21}{32}$ - $\frac{2}{8}$ d) $\frac{12}{9}$ – 1Mời 4 học sinh tham gia trải nghiệm: Phát 4 phiếu ngẫu nhiên cho 4 em, sau đó mời 4 em gắn phép tính vào đúng kết quả được GV gắn trên bảng. Ai đúng sẽ được tuyên dương.- Nhận xét, tuyên dương. | - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.- 4 HS xung phong tham gia chơi. - HS lắng nghe để vận dụng vào thực tiễn. |

------------------------------------------------

**TIẾT 2. LUYỆN TẬP**

**Ngày dạy: 09/5/2024**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:**- Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khấn khởi trước giờ học.+ Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.- Cách tiến hành: |
| - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.+ Câu 1: Tính :$ \frac{8}{36}$ + $\frac{13}{6}$ + Câu 2: Tính: $\frac{17}{42}$ - $\frac{2}{7}$- GV Nhận xét, tuyên dương.- GV dẫn dắt vào bài mới | - HS tham gia trò chơi+ Câu 1: $\frac{8}{36}$ + $\frac{13}{6}$ = $\frac{8}{36}$ + $\frac{78}{36}$ = $\frac{86}{36}$ = $\frac{43}{18}$ + Câu 2: $\frac{17}{42}$ - $\frac{2}{7}$ = $\frac{17}{42}$ - $\frac{12}{42}$ = $\frac{5}{42}$ - HS lắng nghe. |
| **2. Luyện tập:**\* Mục tiêu: - Thực hiện được phép nhân, phép chia phân số.- Tính được giá trị của biểu thức có và không có dấu ngoặc liên quan đến phép cộng, phép trừ, phép nhân, phép chia phân số.- Tính được giá trị của biểu thức bằng cách thuận tiện liên quan đến phép cộng, phép nhân phân số.- Giải được bài toán thực tế liên quan đến phép nhân phân số.\* Cách tiến hành: |
| Bài 1. Tính.- GV cho HS nêu yêu cầu của bài.- GV lưu ý HS đưa kết quả về phân số tối giản.- GV cho HS làm bài cá nhân vào vở, 4 em làm vào phiếu bài tập.a) $\frac{5}{7}$ x $\frac{7}{15}$ b) $\frac{5}{8}$ x 3 c) $\frac{24}{17}$ : $\frac{9}{17}$ d) $\frac{36}{5}$ : 9- GV cho HS nhận xét kết quả.- GV nhận xét, tuyên dương.Bài 2: Rút gọn rồi tính giá trị của biểu thức. (Làm việc nhóm 2) - GV cho HS nêu yêu cầu bài tập.- GV cho HS nhắc lại thứ tự thực hiện các phép tính trong biểu thức.- GV chia nhóm 2, cho HS làm vào vở. a) $\frac{25}{60}$ + 6 x $\frac{1}{8}$  b) $\frac{15}{9}$ x (6 : $\frac{30}{9}$) - Đổi vở soát theo nhóm bàn trình bày kết quả, nhận xét lẫn nhau.- GV Nhận xét, tuyên dương.Bài 3: Nam có 400 000 đồng tiền tiết kiệm. Nam đã dùng $\frac{3}{8}$ số tiền đó để mua sách vở và đồ dùng học tập, số tiền còn lại Nam góp vào quỹ giúp đỡ các bạn có hoàn cảnh khó khăn. Hỏi Nam đã góp vào quỹ giúp đỡ các bạn có hoàn cảnh khó khăn bao nhiêu tiền?- GV cho HS tìm hiểu đề.- GV gợi ý: Muốn biết Nam đã góp vào quỹ giúp đỡ các bạn có hoàn cảnh khó khăn bao nhiêu tiền trước hết ta cần biết gì?- GV chia nhóm hoặc thi để hoàn thành bài tập.- Các nhóm trình bày kết quả, nhận xét. GV nhận xét tuyên dương.Bài 4: Một tấm bìa hình chữ nhật có diện tích là $\frac{7}{25}$ m2 và chiều rộng là $\frac{2}{5}$ m. Tính chu vi của tấm bìa đó.- GV cho HS tìm hiểu đề.- GV gợi ý: Muốn tính được chu vi của tấm bìa trước hết ta cần biết gì?- GV chia nhóm hoặc thi để hoàn thành bài tập.- Các nhóm trình bày kết quả, nhận xét. GV nhận xét tuyên dương.Bài 5. Tính bằng cách thuận tiện.- GV cho HS làm theo nhóm.a) $\frac{3}{5}$ x $\frac{7}{11} $x $\frac{5}{3}$ x 11b) $\frac{3}{8}$ x $\frac{2}{7} $+ $\frac{5}{7}$ x $\frac{3}{8}$- GV mời các nhóm trình bày.- Mời các nhóm khác nhận xét- GV nhận xét chung, tuyên dương. | - HS nêu yêu cầu bài tập. - HS lắng nghe.- HS làm bài vào vở, 4 em làm vào phiếu bài tập.a) $\frac{5}{7}$ x $\frac{7}{15}$ = $\frac{35}{105}$ = $\frac{1}{3}$ b) $\frac{5}{8}$ x 3= $\frac{5}{8}$ x $\frac{3}{1}$ = $\frac{15}{8}$c) $\frac{24}{17}$ : $\frac{9}{17}$ = $\frac{24}{17}$ x $\frac{17}{9}$ = $\frac{408}{153}$ = $\frac{136}{51}$d) $\frac{36}{5}$ : 9 = $\frac{36}{5}$ x $\frac{1}{9}$ = $\frac{36}{45}$ = $\frac{12}{15}$- HS nhận xét kết quả.- HS lắng nghe rút kinh nghiệm.- 1 HS nêu yêu cầu bài tập.- HS nhắc lại thứ tự thực hiện các phép tính trong biểu thức: Có phép cộng, trừ, tính từ trái qua phải; có ngoặc thì tính trong ngoặc trước.- HS làm việc nhóm 2 vào vở. a) $\frac{25}{60}$ + 6 x $\frac{1}{8}$ = $\frac{5}{12}$ + 6 x $\frac{1}{8}$  = $\frac{5}{12}$ + $\frac{6}{8}$  = $\frac{40}{96}$ + $\frac{72}{96}$ = $\frac{112}{96}$ = $\frac{7}{6}$b) $\frac{15}{9}$ x (6 : $\frac{30}{9}$) = $\frac{5}{3}$ x (6 : $\frac{10}{3}$) = $\frac{5}{3}$ x ($\frac{6}{1}$ x $\frac{3}{10}$)  = $\frac{5}{3}$ x $\frac{18}{10}$ = $\frac{90}{30}$ = 3- HS đổi vở soát nhận xét.- HS lắng nghe rút kinh nghiệm.- Bài toán cho biết: Nam có 400 000 đồng tiền tiết kiệm + Nam đã dùng $\frac{3}{8}$ số tiền đó để mua sách vở và đồ dùng học tập.+ Số tiền còn lại Nam góp vào quỹ giúp đỡ các bạn có hoàn cảnh khó khăn- Bài toán hỏi: Nam đã góp vào quỹ giúp đỡ các bạn có hoàn cảnh khó khăn bao nhiêu tiền?- HS trả lời: Cần biết số tiền Nam đã dùng để mua sách vở và đồ dùng học tập.Bài giảiSố tiền Nam đã dùng để mua sách vở và đồ dùng học tập là:400 000 x $\frac{3}{8}$ = 150 000 ( đồng)Số tiền Nam đã góp vào quỹ giúp đỡ các bạn có hoàn cảnh khó khăn là:400 000 – 150 000 = 250 000 ( đồng)Đáp số: 250 000 đồng. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.- Bài toán cho biết: Một tấm bìa hình chữ nhật + Diện tích là $\frac{7}{25}$ m2+ Chiều rộng là $\frac{2}{5}$ m - Bài toán hỏi: Tính chu vi của tấm bìa.- HS trả lời: Cần biết chiều dài của tấm bìa.Bài giảiChiều dài của tấm bìa hình chữ nhật là:$\frac{24}{17}$ : $\frac{9}{17}$ = $\frac{7}{10}$ (m)Chu vi của tấm bìa là: ($\frac{7}{10}$ + $\frac{2}{5}$ ) x 2 = $\frac{11}{5} $(m)Đáp số: $\frac{11}{5}$ m. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.- Các nhóm làm việc theo phân công.a) $\frac{3}{5}$ x $\frac{7}{11} $x $\frac{5}{3}$ x 11 = ($\frac{3}{5}$ x$ \frac{5}{3}$) + ($\frac{7}{11}$ x 11) = 1 x 7 = 7;b) $\frac{3}{8}$ x $\frac{2}{7} $+ $\frac{5}{7}$ x $\frac{3}{8}$ = ( $\frac{3}{8}$ x $\frac{2}{7} $+ $\frac{3}{8}$ x $\frac{5}{7}$ ) = $\frac{3}{8}$ x ($\frac{2}{7}$ + $\frac{5}{7}$ ) = $\frac{3}{8}$ x 1 = $\frac{3}{8}$ - Các nhóm trình bày.- Các nhóm khác nhận xét.- Lắng nghe, rút kinh nghiệm. |
| **3. Vận dụng trải nghiệm.**- Mục tiêu:+ Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.- Cách tiến hành: |
| - GV tổ chức vận dụng bằng các hình thức hái hoa,...sau bài học để học sinh luyện tập thực hiện được phép cộng, phép trừ, phép nhân, phép chia phân số.- GV viết 4 phép tính bất kì vào 4 phiếu.a) $\frac{3}{10}$ + $\frac{2}{5}$ b) $\frac{11}{32}$ - $\frac{3}{4}$c) $\frac{5}{9}$ x $\frac{7}{8}$ d) $\frac{12}{7}$ : $\frac{4}{3}$- GV mời 4 học sinh tham gia trải nghiệm: Phát 4 phiếu ngẫu nhiên cho 4 em, sau đó mời 4 em gắn phép tính vào đúng kết quả được GV gắn trên bảng. Ai đúng sẽ được tuyên dương.- Nhận xét, tuyên dương. | - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.- 4 HS xung phong tham gia chơi. - HS lắng nghe để vận dụng vào thực tiễn. |
| IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:.................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................. |

------------------------------------------------

**CHỦ ĐỀ 13: ÔN TẬP CUỐI NĂM**

Bài 71: ÔN TẬP HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG (2 TIẾT)

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.**

***1. Kiến thức, kĩ năng:***

- Nhận biết và viết được tên góc nhọn, góc vuông, góc tù; nhận biết được khối lập phương.

- Nhận biết được hình bình hành, đặc điểm của hình bình hành.

- Dùng được số đo góc để xác định số đo của góc.

- Chuyển đổi được các đơn vị đo khối lượng đã học.

 - Giải được bài toán thực tế liên quan đến các phép tính với số đo khối lượng.

- Phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực sử dụng công cụ, phương tiện toán học.

- Vận dụng bài học vào thực tiễn.

***2. Năng lực:***

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết tự giác học tập, làm bài tập và các nhiệm vụ được giao.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia tốt trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong hoạt động nhóm.

***3. Phẩm chất.***

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác học tập, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.**

**TIẾT 1. LUYỆN TẬP**

**Ngày dạy: 10/5/2024**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:**- Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khấn khởi trước giờ học.+ Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.- Cách tiến hành: |
| - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.+ Câu 1: Tính :$ \frac{3}{4}$ + $\frac{5}{6}$ + Câu 2: Tính: $\frac{7}{6}$ - $\frac{3}{5}$+ Câu 3: Tính: $\frac{4}{9}$ x $\frac{2}{3}$+ Câu 4: Tính: $\frac{8}{5}$ : $\frac{1}{7}$- GV Nhận xét, tuyên dương.- GV dẫn dắt vào bài mới | - HS tham gia trò chơi+ Câu 1: Tính :$ \frac{3}{4}$ + $\frac{5}{6}$ = $\frac{18}{24}$ + $\frac{20}{24}$  = $\frac{38}{24}$ = $\frac{19}{12}$+ Câu 2: Tính: $\frac{7}{6}$ - $\frac{3}{5}$ = $\frac{35}{30}$ - $\frac{18}{30}$ = $\frac{17}{30}$+ Câu 3: Tính: $\frac{4}{9}$ x $\frac{2}{3}$ = $\frac{8}{21}$+ Câu 4: Tính: $\frac{8}{5}$ : $\frac{1}{7}$ = $\frac{56}{5}$- HS lắng nghe. |
| **2. Luyện tập:**- Mục tiêu: - Nhận biết và viết được tên góc nhọn, góc vuông, góc tù; nhận biết được khối lập phương.- Dùng được số đo góc để xác định số đo của góc.- Chuyển đổi được các đơn vị đo khối lượng đã học. - Giải được bài toán thực tế liên quan đến các phép tính với số đo khối lượng.- Cách tiến hành: |
| Bài 1. Viết tên các góc nhọn, góc tù, góc vuông có trong hình bên (theo mẫu). - GV cho HS nêu yêu cầu của bài.- GV hướng dẫn HS quan sát và sử dụng ê ke để nhận ra mỗi loại góc.- GV cho HS làm bài cá nhân vào vở.- Đổi vở soát theo nhóm bàn trình bày kết quả, nhận xét lẫn nhau.- GV Nhận xét, tuyên dương.Bài 2. Số? - GV cho HS nêu yêu cầu bài tập.- GV yêu cầu HS nêu lại mối quan hệ giữa các đơn vị đo.- GV chia nhóm 2, cho HS làm vào vở. a) 3 yến = ? kg 5 tạ = ? kg  6 tấn = ? kg 4 tạ = ? yến 2 tấn = ? tạ 3 tấn = ? yếnb) 40 kg = ? yến 200 kg = ? tạ 7 000 kg = ? tấn c) 2 tấn 4 tạ = ? tạ 4 tạ 5 kg = ? kg 5 tấn 300 kg = ? kg- Đổi vở soát theo nhóm bàn trình bày kết quả, nhận xét lẫn nhau.- GV Nhận xét, tuyên dương.Bài 3: Dùng thước đo góc để đo các góc của hình thoi ABCD. (Làm việc nhóm 4,5)- GV chia nhóm hoặc thi để hoàn thành bài tập.- Các nhóm trình bày kết quả, nhận xét. GV nhận xét tuyên dương.- GV cho HS nhận xét kết quả.- GV nhận xét, tuyên dương.Bài 4: Một cửa hàng có 1 tấn 540 kg gạo tẻ và số gạo nếp bằng $\frac{2}{7}$ số gạo tẻ. Hỏi cửa hàng đó có tất cả bao nhiêu ki-lô-gam gạo tẻ và gạo nếp? - GV cho HS tìm hiểu đề.- GV gợi ý: Muốn biết cửa hàng đó có tất cả bao nhiêu ki-lô-gam gạo tẻ và gạo nếp trước hết ta cần biết gì?- GV nhắc HS chú ý đơn vị của bài toán. - GV chia nhóm hoặc thi để hoàn thành bài tập.- Các nhóm trình bày kết quả, nhận xét. GV nhận xét tuyên dương.Bài 5: Chọn câu trả lời đúng.- GV yêu cầu HS đọc yêu cầu bài tập.- GV cho HS thi đua theo nhóm 4. Thảo luận và chọn đáp án đúng và nhanh nhất.Số khối lập phương dùng để xếp thành hình bên là:A. 16 B. 29 C. 30 D. 20- GV nhận xét, tuyên dương. | - HS nêu yêu cầu bài tập. - HS lắng nghe.- HS làm bài vào vở.Kết quả: Góc nhọn đỉnh B; cạnh BA, BM. Góc nhọn đỉnh B; cạnh BM, BC. Góc nhọn đỉnh C; cạnh CM (hoặc CA), CB. Góc vuông đỉnh B; cạnh BA, BC. Góc tù đỉnh M; cạnh MB, MC.- HS đổi vở soát nhận xét.- HS lắng nghe rút kinh nghiệm.- 1 HS nêu yêu cầu bài tập.- HS trả lời:1 tấn = 10 tạ = 100 yến = 1 000 kg;1 000 kg = 100 yến = 10 tạ = 1 tấn.- HS làm việc nhóm 2 vào vở. a) 3 yến = 30 kg 5 tạ = 500 kg 6 tấn = 6 000 kg 4 tạ = 40 yến 2 tấn = 20 tạ 3 tấn= 300 yến b) 40 kg = 4 yến 200 kg = 2 tạ 7 000 kg = 7 tấn c) 2 tấn 4 tạ = 24 tạ 4 tạ 5 kg = 405 kg 5 tấn 300 kg = 5 300 kg- HS đổi vở soát nhận xét.- HS lắng nghe rút kinh nghiệm.- Các nhóm làm việc theo phân công.Kết quả: Góc đỉnh A; cạnh AB, AD bằng 600. Góc đỉnh C; cạnh CB, CD bằng 600.Góc đỉnh B; cạnh BA, BC bằng 1200. Góc đỉnh D; cạnh DA, DC bằng 1200.  - Các nhóm trình bày.- Các nhóm khác nhận xét.- Lắng nghe, rút kinh nghiệm.- Bài toán cho biết: + Một cửa hàng có 1 tấn 540 kg gạo tẻ. + Số gạo nếp bằng $\frac{2}{7}$ số gạo tẻ.- Bài toán hỏi: Cửa hàng đó có tất cả bao nhiêu ki-lô-gam gạo tẻ và gạo nếp? - HS trả lời: Cần biết số gạo nếp mà cửa hàng có.- HS lắng nghe.Bài giảiĐổi 1 tấn 540 kg = 1 540 kgSố ki- lô- gam gạo nếp cửa hàng có là:1 540 x $\frac{2}{7}$ = 440 (kg)Cả gạo tẻ và gạo nếp cửa hàng đó có là:1 540 + 440 = 1 980 (kg)Đáp số: 1 980 kg gạo nếp và gạo tẻ.- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.- 1 HS đọc yêu cầu bài tập.- HS thảo luận và thi đua.Đáp án: Chọn C. 30- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm. |
| **3. Vận dụng trải nghiệm.**- Mục tiêu:+ Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.- Cách tiến hành: |
| - GV tổ chức vận dụng bằng hình thức trò chơi: Ai nhanh hơn? sau bài học để học sinh luyện tập thực hiện nhận biết và viết được tên góc nhọn, góc vuông, góc tù.- GV chiếu 2 hình tứ giác bất kì. Mời 4 học sinh tham gia trải nghiệm nêu đúng tên các góc có trong hình. Ai đúng sẽ được tuyên dương.- Nhận xét, tuyên dương. | - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.- 4 HS xung phong tham gia chơi. - HS lắng nghe để vận dụng vào thực tiễn. |

------------------------------------------------

**TUẦN 35 TIẾT 2. LUYỆN TẬP**

**Ngày dạy: 13/5/2024**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:**- Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khấn khởi trước giờ học.+ Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.- Cách tiến hành: |
| - GV tổ chức trò chơi Ai nhanh ai đúng để khởi động bài học.+ Câu 1: 3 tấn 4 tạ = …….tạ+ Câu 2: 500 kg = …. yến+ Câu 3: Hình bên có ……góc nhọnD:\năm học 23-24\Capture.PNGn - GV Nhận xét, tuyên dương.- GV dẫn dắt vào bài mới | - HS tham gia trò chơi+ Trả lời:* 34 tạ
* 50 yến
* 5 góc nhọn

- HS lắng nghe. |
| **2. Luyện tập:**\* Mục tiêu: - Nhận biết được hình bình hành, đặc điểm của hình bình hành. - Chuyển đổi các đơn vị đo thời gian, diện tích đã học.- Giải được bài toán thực tế liên quan đến các phép tính với số đo thời gian, diện tích.\* Cách tiến hành: |
| Bài 1. (Làm nhóm 2) - GV gọi HS nêu yêu cầu bài.+Viết tên cac hình bình hành có trong hình bên rồi cho biết cạnh AD song song và bằng những cạnh nào?- GV cho Hs suy nghĩ làm bài, trao đổi N2 kết quả.- GV gọi 2 HS lên trình bày kết quả- GV nhận xét, tuyên dương.Bài 2: Số? (Làm việc cá nhân) - GV cho HS làm bài vào vở- GV soi chữa bài.- GV Nhận xét, tuyên dương.Bài 3: (Làm việc cá nhân)- GV gọi 1HS đọc bài toán.- Bài toán cho biết gì? Hỏi gì?- GV lưu ý HS xác định số chỉ năm nay để tính toán, làm bài vào vở.- GV gọi 1 HS lên soi bài, chia sẻ bài làm của mìnhBài giảiNăm nay số tuổi của mẹ Nam là:30 + 10 = 40 ( tuổi)Năm sinh của mẹ Nam là:2 024 – 40 = 1984 ( tuổi)Năm 1984 thuộc thế kỉ XX.Đáp số: Năm 1984, thế kỉ XX- GV nhận xét chung, tuyên dương.Bài 4. Số? (Làm việc cá nhân) * GV gọi HS nêu yêu cầu của bài,

- GV cho HS suy nghĩ làm vào nháp.- GV cho HS chơi trò chơi “Chèo thuyền” để chữa bài.- GV nhận xét tuyên dương.- GV cho HS nhắc lại các đơn vị đo diện tích đã học, mối quan hệ giữa các đơn vị đo.Bài 5. (Làm việc cá nhân) - GV gọi 1HS đọc bài toán.+ Người ta dùng loại gạch men hình vuông có cạnh 50cm để lát nền một phòng học hình chữ nhật có chiều dài 8m, chiều rộng 6m. Hỏi cần bao nhiêu viên gạch men loại đó để vừa đủ lát kín nền phòng học? (Diện tích phần mạch vữa không đáng kể).- Bài toán cho biết gì? Hỏi gì?- Để tìm số viên gạch lát kín phòng học em cần biết gì?- GV cho HS suy nghĩ làm bài vào nháp.- GV gọi Hs đọc bài làm, đối chiếu, nhận xét bài của bạn.Bài giảiĐổi: 8 m = 800 cm; 6 m = 600 cmSố viên gạch men để lát kín theo chiều dài phòng học là: 800 : 50 = 16 (viên)Số viên gạch men để lát kín theo chiều rộng phòng học là: 600 : 50 = 12 (viên)Số viên gạch men để lát kín phòng học là:16 x 12 = 192 (viên)Đáp số: 192 viên gạch- GV nhận xét chốt kết quả đúng | * HS đọc yêu cầu

- HS suy nghĩ làm bài, trao đổi với bạn cùng bàn kết quả.- Trả lời: +Có 3 hình bình hành là: AMND, ABCD, MBCN.+ Cạnh AD song song và bằng các cạnh MN, BC. - HS lắng nghe rút kinh nghiệm.* HS suy nghĩ làm vào vở.
* Đáp án:
1. 240 phút, 720 giây, 300 năm
2. 205 phút, 604 phút, 920 giây
3. 20 phút, 12 giây, 25 năm

- HS lắng nghe rút kinh nghiệm.- HS đọc bài toán - Trả lởi: + Bài toán cho biết năm nay Nam 10 tuổi, Nam kém mẹ 30 tuổi.+ Hỏi: Mẹ Nam sinh năm nào, thuộc thế kỉ nào? - HS suy nghĩ làm vào vở.- HS soi bài làm của mình, gọi các bạn nhận xét bài, đặt câu hỏi chất vấn:+ Tính số tuổi mẹ năm nay bạn làm như thế nào?+ Tại sao tìm năm sinh của mẹ bạn lấy 2024 – 40 ?- Lắng nghe, rút kinh nghiệm.- 1HS đọc yêu cầu- HS suy nghĩ làm vào nháp- HS chữa bài bằng trò chơi- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.- HS nêu + Số viên gạch lát dọc theo chiểu dài và chiểu rộng.* - HS suy nghĩ làm nháp, 1HS làm bảng phụ.
* - HS đọc bài, NX bài của bạn.
 |
| **3. Vận dụng trải nghiệm.**- Mục tiêu:+ Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.- Cách tiến hành: |
| - GV tổ chức cho Hs chơi trò chơi “Ong non học việc” trên màn hình để ôn lại kiến thức đã học.- Nhận xét, tuyên dương. | - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. |
| IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................. |